

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 07/2025/ HNGĐ - ST

Ngày 29/9/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Anh Đức;

2. Bà Nông Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST- HNGĐ, ngày 24/7/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Phạm Hương Q**, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***Bị đơn:** Ông **Đinh Hữu L**, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1/ Chị Triệu Thị Đ, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

2/ Chị Trương Thị G, sinh năm 1976; trú tại: Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Phạm Hương Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Đinh Hữu L trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà thuê nhà trọ sinh sống tại thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Nay là Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông L bị nghiện rượu nên cứ mỗi lần uống rượu say là ông L thường xuyên chửi bới, đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2019, ông L chuyển về quê sinh sống tại thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là phường Đ, tỉnh Thái Nguyên). Vợ chồng bà đã sống ly thân suốt từ đó cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau và xác định không thể hàn gắn được nữa.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Hữu L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 01 người con chung tên là Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng bà.

Khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà Q xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Đinh Hữu L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông L, tuy nhiên hết thời hạn đưa ra ý kiến theo Thông báo thụ lý nhưng không thấy ông L có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà Q và ông L không có mặt tại Tòa án để làm việc theo thời gian ghi trong Giấy triệu tập. Vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Đ, tỉnh Thái Nguyên thì được cung cấp thông tin như sau: Ông Đinh Hữu L, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên). Tuy nhiên, hiện nay ông L không thường xuyên sinh sống, cư trú tại địa chỉ trên. Tiếp đó, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường B, tỉnh Thái Nguyên về nơi đăng ký tạm trú, nơi cư trú hiện nay của ông Đinh Hữu L thì được cung cấp thông tin như sau: Ông L hiện nay đang thuê phòng trọ sinh sống tại tổ G, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là tổ G, phường B, tỉnh Thái Nguyên). Ông L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên theo quy định. Tuy nhiên, khi cán bộ Tòa án đến phòng trọ của ông L để thực hiện việc cấp, tổng đạt Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L thì ông L không có nhà, gia đình ông L không có người nhận thay. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L. Tòa án đã lập biên bản và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông L theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tòa án đã gặp Tổ trưởng, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang để xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của bà Phạm Hương Q và ông Đinh Hữu L. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Bà Phạm Hương Q kết hôn với ông Đinh Hữu L năm 2012. Sau khi kết hôn, bà Q, ông L sinh sống với nhau tại thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nay là thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Bà Q có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên, còn ông L không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông L bị nghiện rượu nên cứ mỗi lần uống rượu say là ông L thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Q. Có một vài lần ông L đánh đập, chửi bới bà Q thì bà Q đã nhờ trưởng thôn, công an viên thôn đến an thiệp, giải quyết nhưng không lập biên bản mà để cho ông bà tự giải quyết với nhau, nhưng chỉ được một thời gian, mâu thuẫn giữa bà Q, ông L vẫn tiếp diễn.

Đến năm 2019, ông L chuyển về quê sinh sống tại thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng bà Q, ông L đã sống ly thân suốt từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân không thấy ông L trở về thăm nom vợ con. Mâu thuẫn giữa bà Q và ông L đã trầm trọng, khó có thể hàn gắn.

Về con chung: Ông L và bà Q có một con chung tên là Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015. Hiện nay cháu Đinh Bảo C đang sinh sống ổn định cùng bà Q tại thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, cháu C chủ yếu do bà Q trông nom, chăm sóc vì ông L thường xuyên say rượu, không có việc làm ổn định, không quan tâm, chăm sóc con chung. Từ khi ly thân đến nay, cũng không thấy ông L quan tâm, chăm sóc hay có đóng góp gì cho bà Q nuôi con chung. Hiện nay bà Q là lao động tự do, tuy nhiên thu nhập tương đối ổn định, khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng, có nhà riêng, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Hiện tại cháu C đang sinh sống cùng mẹ và được đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc tốt.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là người thân và hàng xóm sống gần nhà bà Q thì họ đều cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Q, ông L thuê nhà trọ sinh sống tại thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Nay là Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng bà Q, ông L hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bản thân ông L không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, lười lao động lại bị nghiện rượu nên cứ mỗi lần uống rượu say là ông L thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Q, không chăm lo, chăm sóc nhà cửa con cái. Đến năm 2019, ông L chuyển về quê sinh sống tại thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng ông L, bà Q đã sống ly thân suốt từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, không thấy ông L có trách nhiệm gì trong việc đóng góp chi phí, chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Đinh Bảo C thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Phạm Hương Q.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án

mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Hương Q, xử cho bà Phạm Hương Q được ly hôn với ông Đinh Hữu L. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015 cho bà Phạm Hương Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Hương Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà Q xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Hương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, bị đơn ông Đinh Hữu L có địa chỉ thường trú: Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Q đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa

án triệu tập họp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hương Q và ông Đinh Hữu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Thái Nguyên) nên xác định hôn nhân của bà Q với ông L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông L bị nghiện rượu nên cứ mỗi lần uống rượu say là ông L thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Q. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được nữa.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà Q, ông L, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông L là có thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông L mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Q đồng thời cũng không có động thái gì để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Còn bà Q thì kiên quyết ly hôn và có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Qua đó thể hiện cả hai không còn mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy việc bà Q xin ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phạm Hương Q và ông Đinh Hữu L có 01 (Một) con chung là cháu Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015. Hiện nay con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống với bà Q. Khi ly hôn, bà Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đinh Bảo C cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L về vấn đề nuôi con chung. Bản thân bà Q hiện làm lao động tự do tuy nhiên có công việc làm và thu nhập tương đối ổn định, có điều kiện kinh tế, chỗ ở hợp lý, đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cũng như không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của con chung thì việc giao con chung cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Q xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Hương Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Phạm Hương Q. Bà Phạm Hương Q được ly hôn với ông Đinh Hữu L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đinh Bảo C, sinh ngày 17/3/2015, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho bà Phạm Hương Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Hương Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Đinh Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Phạm Hương Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về vay nợ chung: Bà Phạm Hương Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí:

Nguyên đơn bà Phạm Hương Q phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000381 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bà Phạm Hương Q đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 6 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Đức Xuân,
T. Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

.